SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA VANG

Số: 514 /QĐ-TTYTKVHV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Nà, ngày 06 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HOÀ VANG

Căn cứ Quyết định số 6104/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Y tế Hòa Vang;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Trung tâm Y tế quận, huyệnvà phê duyệt phạm vi quản lý của Trung tâm Y tế khu vực trực thuộc Sở Y tế thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mới;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Luật số 57/2024/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư số 79/ 2025/ TT- BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 Về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghi định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị;

Căn cứ Quyết định 112/QĐ-TTYTKVHV ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang về việc ban hành Quy trình mua sắm hàng hóa,

dịch vụ thuộc dự toán mua sắm tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang áp dụng Luật đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ-TTYTKVHV ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang về việc thành lập Tổ xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang năm 2026-2027 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 511/QĐ-TTYTKVHV ngày 05/11/2026 của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang về việc phê duyệt dự toán mua sắm Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2);

Theo đề xuất của Tổ xây dựng dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Tờ trình số 02/TTr-TXD ngày 05/11/2026 về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2) và Báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐ ngày 06/11/2026 về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2) thuộc dự toán mua sắm Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm (*Chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm*).

Điều 2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang và bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA VANG

Võ Quang Vinh

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, DỤNG CỤ Y TẾ BỔ SUNG SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA VANG NĂM 2026-2027 (LẦN 2)

(Kèm theo Quyết định số 514 /QĐ- TTYTKVHV ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang)

Stt	Tên gói thầu		Tóm tắt công việc chính của gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
	Chủ đầu tư	Tên gói thầu										
1	Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang	Mua sắm vật tư y tế, hoá chất, dụng cụ y tế bổ sung sử dụng tại Trung tâm y tế khu vực Hòa Vang năm 2026-2027 (lần 2)	Thực hiện công tác mua sắm 28 VTYT, 01 HC và 23 DCYT trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu	499.712.846	Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn tài chính hợp pháp được sử dụng theo quy định của pháp luật.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Không áp dụng	60 ngày	Quý IV/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	4 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu: 499.712.846 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).*												

thamnth7 - 06/11/2026 14:57:31 - thamnth7 - thamnth7

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CHI TIẾT
GÓI THẦU MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, DỤNG CỤ Y TẾ BỔ SUNG SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA VANG NĂM 2026-2027 (LẦN 2)
THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮMMUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, DỤNG CỤ Y TẾ BỔ SUNG SỬ DỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÒA VANG NĂM 2026-2027 (LẦN 2)
(Kèm theo Quyết định số 514/QĐ-TTYTKVHV ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Nẹp chữ T xương quay bên Trái và bên Phải	Dày 1,5mm; rộng 10,0mm Có 4/5/6 lỗ Dùng vít đường kính 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	579.000	2.895.000
2	Nẹp chữ S xương đòn bên Trái và bên Phải	Dày 3,0mm; rộng 10,0mm Có 6/7/8/9/10 lỗ trái, phải Dùng vít đường kính 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	930.000	4.650.000
3	Nẹp lòng máng xương trụ bên Trái và bên Phải	Dày 2,0mm, rộng 9,2mm Có 4/5/6 lỗ Dùng vít đường kính 3.5mm Dùng vít đường kính 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	359.000	1.795.000

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
4	Nẹp lòng máng xương mác bên Trái và bên Phải	Dày 3,0mm, rộng 9,0-13,5mm Có 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ Dùng vít đường kính 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	5	1.950.000	9.750.000
5	Nẹp khoá mâm chày bên Trái và bên Phải	Dày 4,0mm; rộng 16,0mm Có 4/5/6/7/8/9/10 lỗ trái, phải Dùng vít khóa 5.0mmm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép Titanium	Cái	5	5.300.000	26.500.000
6	Nẹp Titanium 18 lỗ dùng cho Vit 2.0	Dày 1,0mm, 18 lỗ Dùng vít xương cứng mini 2.0mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Chất liệu Titanium	Cái	5	2.400.000	12.000.000
7	Vis Titanium đường kính 2.0mm	Tự taro, dài từ 4 - 16mm Dùng tô vít đầu hình chữ thập Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Chất liệu Titanium	Cái	15	445.000	6.675.000
8	Vis xốp nhỏ xương mắt cá trong	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-80mm với bước tăng 5mm, ren bán phần Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	20	205.000	4.100.000

thamnth7 - 06/12/2023 14:57:01 - thamnth7 - thamnth7 - thamnth7

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
9	Vis thường các loại	Dài 10-50mm với bước tăng 2mm Đường kính mũ vít: 6,0mm; Đường kính lõi vít: 3,0mm; Đường kính thân ren: 3,5mm Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu thép không gỉ (C: 0,03; Si: 0,37; Mn: 2,0; P: 0,045; S: 0,03: Ni: 14,27; Cr: 17,52; Fe: 62,8)	Cái	20	41.850	837.000
10	Vis khoá các loại	Dài 14-50mm với bước tăng 2mm; 55-80mm với bước tăng 5mm Đường kính mũ vít: 6,5mm; Đường kính lõi vít: 4,0mm; Đường kính thân ren: 5,0mm Đồng bộ với nẹp cùng hãng sản xuất Đạt tiêu chuẩn ASTM-F543; ISO 13485:2016; CE Chất liệu titanium	Cái	20	574.800	11.496.000
11	Chỉ Propylene số 3	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn SH bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Cái	12	150.308	1.803.696
12	Chỉ Propylene số 4	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn SH-2, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 20mm, 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Cái	12	198.266	2.379.192
13	Chỉ Propylene số 5	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn RB-2 bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 13mm, 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Cái	12	174.388	2.092.656

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
14	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, vô trùng, có cản quang	1. Gạc hút nước (100% cotton). 2. Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, có sợi cản quang. 3. Không mùi mốc hoặc mùi khác lạ. Có độ thấm hút rất cao, không có độc tố, mịn màng, mềm mại, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. 4. Tiệt trùng, đóng gói: ≤5 cái/ gói.	Cái	800	3.470	2.776.000
15	Mũ phẫu thuật vô trùng	Làm từ vải không dệt, không thấm nước. Có dây thun, ôm khít đầu. Tiệt trùng. Đóng gói riêng từng cái.	Cái	4.000	560	2.240.000
16	Kim gây tê tủy sống cỡ kim 29	Kim gây tê tủy sống sử dụng trong chọc dò tủy sống. Chất liệu kim: thép không gỉ. Đầu kim cỡ: G29, sắc bén. Thiết kế kim giúp giảm đau đầu sau chọc. Có kim dẫn đường. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	Cái	30	49.350	1.480.500
17	Kim chọc dò tủy sống cỡ kim 27	Kim gây tê tủy sống sử dụng trong chọc dò tủy sống. Chất liệu kim: thép không gỉ. Đầu kim cỡ: G27, sắc bén. Thiết kế kim giúp giảm đau đầu sau chọc. Có kim dẫn đường. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13486	Cái	50	25.830	1.291.500
18	Dây bơm máy điện giải	Dây bơm dùng cho máy XN điện giải SFRI ISE 5000	Cái	5	730.000	3.650.000
19	Dụng cụ khâu cắt dùng trong mổ trĩ	Dụng cụ khâu cắt trĩ theo phương pháp Longo 3 hàng ghim - Bao gồm chỉ Polypropylene số 0, chiều dài 90cm, chiều dài kim 26mm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn. - Kích thước: đường kính ngoài 34mm. - Số lượng ghim dập: 48 ghim. Chiều cao ghim mở: 3.5mm. Chiều cao ghim sau bấm điều chỉnh được: trong khoảng 0.75 - 1.5mm. Chất liệu ghim bấm bằng titanium nguyên chất không hợp kim. - Số vòng ghim bấm: 3 vòng tròn đồng tâm bên trong đầu dập ghim. - Đạt tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	Cái	10	4.294.500	42.945.000

thamnth7 - 06/11/2026 14:57:01 - thamnth7 - thamnth7 - thamnth7

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
20	Lưới điều trị thoát vị Polyproylene loại mềm 15cm x 15cm	Lưới loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị. Kích thước 15cm x 15cm. Thành phần polypropylen không tiêu. Trọng lượng 45g ± 1g/m2. Kích thước lỗ lưới: 2.38 ± 0.03mm. Bề mặt lưới có sọc màu giúp định hướng trong mổ Không bị biến dạng, co lưới trong quá trình thao tác. Dễ thao tác trong phẫu thuật: có thể cắt theo hình dạng, kích thước mong muốn mà không bị xơ (tưa) mép cắt. Đạt tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	Cái	5	2.100.000	10.500.000
21	Lưới điều trị thoát vị Polyproylene loại mềm cỡ nhỏ	Lưới loại nhẹ dùng trong điều trị thoát vị. Kích thước 5-6.5cm x 10-12cm. Thành phần polypropylen không tiêu. Trọng lượng 45g ± 1g/m2. Kích thước lỗ lưới: 2.38 ± 0.03mm. Bề mặt lưới có sọc màu định hướng trong mổ Không bị biến dạng, co lưới trong quá trình thao tác. Dễ thao tác trong phẫu thuật: có thể cắt theo hình dạng, kích thước mong muốn mà không bị xơ (tưa) mép cắt. Đạt tiêu chuẩn CE (Tiêu chuẩn Châu Âu).	Cái	5	827.978	4.139.890
22	Tấm điện cực trung tính RS05 Skintact	Đầu nối của tấm điện cực RS05 chắc chắn, giúp kết nối tốt với kẹp của cáp dẫn mass. Hydrogel rất mềm tốt cho da và tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân. Đảm bảo bề mặt tiếp xúc tốt với da. Diện tích dẫn điện: 134 cm2	Miếng	50	31.000	1.550.000
23	Điện cực mass cao su dùng nhiều lần cho máy cắt đốt	Sử dụng cho phẫu thuật với máy cắt dốt, dao mổ điện cao tần, máy cắt đốt tần số Radio. Sử dụng nhiều lần, Dẻo, có thể uốn cong tiếp xúc tốt. Dây dài 3m,Bản điện cực trung tính cho máy cắt đốt có chui dẹp 2 lỗ.		1	2.400.000	2.400.000
24	Vôi Soda	Dùng cho máy gây mê, chuyển màu từ trắng sang tím, kích thước hạt ≤2.5mm, độ cứng ≥97%	Kg	10	100.000	1.000.000
25	Tube biopure vô trùng	Tube ly tâm sản xuất từ nhựa PP tốt. Vạch chia rõ ràng, giúp việc bảo vệ mẫu an toàn khi chứa và lắc ly tâm	Cái	3.000	3.150	9.450.000

thamnth7 - thamnth7 - thamnth7 - thamnth7 - thamnth7

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
26	Mặt nạ máy xông khí dung	Mặt nạ máy xông khí dung các cỡ: M. Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa y tế, với dây đeo đàn hồi, kẹp mũi điều chỉnh, với ống oxy dài ≥ 2m. Tiệt trùng bằng EO	Cái	200	15.200	3.040.000
27	Miếng cầm máu mũi	- Làm bằng chất liệu PVA an toàn và mềm mại; độ thấm hút cao, có dây - Duy trì môi trường ẩm ướt và thúc đẩy quá trình lành vết thương - Không chứa chất xơ và không chứa latex, không gây tác dụng phụ. - Tiêu chuẩn: CE, FDA - Kích thước: 80×20×15mm	Miếng	200	49.800	9.960.000
28	Que đè lưỡi gỗ đã tiệt trùng	Được chế tạo từ gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lẫn tạp chất, không cong vênh, tiệt trùng, đảm bảo vệ sinh và an toàn tuyệt đối cho bệnh nhân.	Cái	4.000	315	1.260.000
29	Hoá chất dùng cho máy xét nghiệm BA200					
29.1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng yếu tố dạng thấp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng yếu tố dạng thấp; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm Tris 100 mmol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8; Thuốc thử B chứa hỗn dịch chứa các hạt latex được phủ gamma-globulin người, natri azid 0,95 g/L; Phương pháp: Đo độ đục, Latex; Loại mẫu: Huyết thanh; Khoảng đo: 2,4 - 175 IU/mL; Giới hạn phát hiện: 2,4 IU/mL; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,5%	ml	600	25.935	15.561.000
29.2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố dạng thấp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng yếu tố dạng thấp; Thành phần: Huyết thanh người, được cung cấp ở dạng bột đông khô, có chứa RF	ml	6	208.257	1.249.542
29.3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ASO	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ASO; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm Tris 20 mmol/L, natri clorid 150 mmol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,2; Thuốc thử B chứa hỗn dịch hạt latex được phủ streptolysin O, natri azid 0,95 g/L; Phương pháp: Đo độ đục, Latex; Loại mẫu: Huyết thanh; Giới hạn phát hiện: 3 IU/mL; Giới hạn tuyến tính: 800 IU/mL; Độ lặp lại: CV ≤ 3,5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4%	ml	100	38.073	3.807.300
29.4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ASO	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ASO; Thành phần: Huyết thanh người (dạng bột đông khô)	ml	2	670.950	1.341.900

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
30	Nệm bông ép Simili	- Chất liệu lõi: nệm bông ép. - Lớp bên ngoài: vải simili chống thấm nước. - Kích thước: (65 - 125) × 90 × 5 cm. - Màu sắc: vải simili xám. - Kiểu dáng: Nệm có gấp khúc nâng đầu. - Mùi: Không mùi.	Cái	142	980.000	139.160.000
31	Nhiệt kế thủy ngân	Dùng đo nhiệt độ cơ thể ở miệng, nách. Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. Vạch được chia độ rõ nét, dễ quan sát. Độ chính xác ±0.1 độ C Có hộp nhựa để bảo quản	Cái	200	38.000	7.600.000
32	Cây lấy dị vật tai mũi 2 đầu (Thìa lấy ráy tai 2 đầu)	Thìa lấy ráy tai hai đầu, đầu nhẵn; thép không gỉ, tái sử dụng.	Cây	4	399.600	1.598.400
33	Kellly cong (Panh cong có mấu 16cm)	Panh Kelly cong có mấu dài 16 cm, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	2	176.100	352.200
34	Ống hút mũi xoang (Ống hút tai)	Ống hút mũi xoang/tai, đầu hút nhỏ, có đầu nối dây hút; thép không gỉ.	Ống	20	310.000	6.200.000
35	Ống hút tai cong (Ống hút tai)	Ống hút tai cong, đầu hút nhỏ, có đầu nối; thép không gỉ.	Ống	20	400.000	8.000.000
36	Nhíp khuỷu Z (Nỉa chữ Z 16cm)	Nhíp khuỷu chữ Z dài 16 cm, đầu gắp khít; thép không gỉ.	Cái	10	94.500	945.000
37	Alligator gắp (Gắp dị vật tai 8,5cm)	Kẹp gắp dị vật tai kiểu Alligator dài 8,5 cm, hàm nhỏ; thép không gỉ.	Cái	3	650.000	1.950.000
38	Cây quấn bông tai inox (Que tăm bông)	Que quấn bông tai bằng inox, thân mảnh, đầu nhẵn, tái sử dụng.	Cây	10	55.000	550.000
39	Alligator cắt	Chất liệu: Thép không gỉ phù hợp để chế tạo dụng cụ phẫu thuật đáp ứng - Có khả năng chịu nhiều chu kỳ hấp tiệt trùng ở 134°C mà không biến dạng, không rỉ sét.	Cái	1	1.637.000	1.637.000
40	Que đè lưỡi Inox (Đè lưỡi)	Que đè lưỡi inox, dạng dẹt, hai đầu bo tròn; tái sử dụng.	Cái	100	55.000	5.500.000

thamnth7 - 08/11/2026 14:57:01 - thamnth7 - thamnth7 - thamnth7

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
41	Banh mũi (Speculum) (Mở mũi người lớn)	Banh mũi cỡ người lớn, hai cánh banh nhẵn; thép không gỉ.	Cái	200	343.000	68.600.000
42	Đèn khám TMH	Có công tắc nhấn điều khiển Thân máy bằng vật liệu nhựa đầu cao su đúc cho độ bền tối đa, đầu đèn có trụ xoay Tiêu chuẩn: chống bụi và chống nước Tuổi thọ 10.000 lần nhấn công tắc (tương đương 10.000 giờ)	Cái	2	5.950.000	11.900.000
43	Kéo thẳng (Kéo thẳng nhọn 16cm)	Kéo thẳng đầu nhọn dài 16 cm; thép không gỉ, hấp tiệt khuẩn.	Cái	15	94.860	1.422.900
44	Kéo Metzenbaum (Kéo thẳng thân tròn 16cm)	Kéo Metzenbaum thẳng thân tròn dài 16 cm, lưỡi mảnh; thép không gỉ.	Cái	5	150.000	750.000
45	Kẹp kim (Kìm mang kim 16cm)	Kìm mang kim dài 16 cm, hàm chống trượt, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	5	92.500	462.500
46	Nhíp có mấu (Nỉa có mấu 16cm)	Nhíp có mấu dài 16 cm, đầu có răng giữ mô; thép không gỉ.	Cái	15	69.000	1.035.000
47	Chén Inox (Cốc inox đựng bông cồn)	Chén/cốc inox đựng bông cồn, bề mặt nhẵn, dễ vệ sinh.	Cái	10	47.790	477.900
48	Cán dao (Cán dao mổ số 3)	Cán dao mổ số 3, có ngàm lắp lưỡi; thép không gỉ, tái sử dụng.	Cái	5	51.966,41	259.832
49	Mosquito cong (Panh cong không mấu 16cm)	Panh Mosquito cong không mấu dài 16 cm, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	10	78.500	785.000
50	Khay Inox (Khay chữ nhật 22x32x4cm)	Khay inox chữ nhật 22×32×4 cm, bề mặt nhẵn, dễ vệ sinh.	Cái	5	360.000	1.800.000
51. Bộ dụng cụ amidan						
51.1	Bộ mở miệng davisboy 5 lưỡi	Bộ banh miệng Davis-Boyle hoàn chỉnh gồm 05 lưỡi, dùng trong phẫu thuật răng hàm mặt. - Vật liệu chế tạo: Thép không gỉ - Kích thước: dài 17.0cm - Hấp tiệt trùng ở 134ºC trong thời gian 3 đến 4 phút	Cái	1	3.980.000	3.980.000
51.2	Kẹp amidan 22cm 2x2 răng	Kẹp amidan 22 cm, đầu 2×2 răng, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	686.070	686.070
51.3	Kẹp răng chuột 20cm	Kẹp răng chuột 20 cm, đầu có răng giữ mô; thép không gỉ.	Cái	1	450.000	450.000

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
51.4	Kéo cong thân tròn 18cm cán vàng	Kéo cong thân tròn 18 cm, cán vàng; thép không gỉ, hấp tiệt khuẩn.	Cái	1	650.000	650.000
51.5	Panh cong không mấu 20cm	Panh cong không mấu 20 cm, hàm có khía, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	494.183	494.183
51.6	Panh thẳng không mấu 20cm	Panh thẳng không mấu 20 cm, hàm có khía, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	180.000	180.000
51.7	Kìm mang kim 18cm cán vàng	Kìm mang kim 18 cm, cán vàng, hàm chống trượt, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	750.000	750.000
51.8	Kẹp săng 10cm	Kẹp săng 10 cm, đầu cong có mấu, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	125.647,84	125.648
51.9	Cán dao số 7	Cán dao mổ số 7, có rãnh lắp lưỡi; thép không gỉ, tái sử dụng.	Cái	1	91.000	91.000
51.10	Ống hút Yankauer	Ống hút kiểu Yankauer, đầu cong, có đầu nối dây hút; thép không gỉ.	Cái	1	380.000	380.000
51.11	Bóc tách vén tụ 2 đầu	Dụng cụ bóc tách, vén mô hai đầu; thép không gỉ, hấp tiệt khuẩn.	Cái	1	248.360,23	248.360
51.12	Bóc tách amidan	Dụng cụ bóc tách amidan, đầu bóc tách chuyên dụng; thép không gỉ.	Cái	1	748.440	748.440
51.13	Hộp đựng 20x35	Hộp đựng dụng cụ 20×35 cm, có nắp; thép không gỉ, dễ vệ sinh.	Cái	1	1.160.000	1.160.000
51.14	Panh tim 25cm	Panh tim dài 25 cm, hàm có khía, có khóa hãm; thép không gỉ. Sai số kích thước ±5%	Cái	1	368.000	368.000
52. Bộ dụng cụ nâng xương mũi						
52.1	Cây bóc tách 2 đầu 18cm	Cây bóc tách hai đầu dài 18 cm; thép không gỉ, hấp tiệt khuẩn.	Cái	1	315.000	315.000
52.2	Banh mũi dài	Kích thước 14cm*7,3cm*3cm, hai cánh banh; thép không gỉ.	Cái	1	8.080.000	8.080.000
52.3	Banh mũi trung	Kích thước 14cm*5cm*3cm, hai cánh banh; thép không gỉ.	Cái	1	1.294.776	1.294.776
52.4	Banh mũi ngắn	Kích thước 14cm*3cm*3cm, hai cánh banh; thép không gỉ.	Cái	1	965.000	965.000
52.5	Búa	Búa phẫu thuật , cán chắc chắn, dùng phối hợp đục xương; có thể tiệt khuẩn.	Cái	1	800.000	800.000
52.6	Cán dao số 7	Cán dao mổ số 7, có rãnh lắp lưỡi; thép không gỉ, tái sử dụng.	Cái	1	91.000	91.000
52.7	Banh lưỡi cong	Banh lưỡi cong 15×1,8×1 cm, đầu nhẵn; thép không gỉ.	Cái	1	224.000	224.000
52.8	Đục xương cánh én	Đục xương lưỡi cánh én; thép không gỉ.	Cái	1	320.000	320.000
52.9	Panh thẳng 14cm	Panh thẳng 14 cm, hàm có khía, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	126.000	126.000
52.10	Kiềm Martin 23cm	Kìm Martin dài 23 cm, dùng trong phẫu thuật tai mũi họng; thép không gỉ.	Cái	1	955.500	955.500

STT	Danh mục thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
52.11	Kéo cắt cuống mũi	Kéo dài 18.5 cm, dùng trong phẫu thuật, chất liệu thép không gỉ	Cái	1	2.520.000	2.520.000
52.12	Kéo thẳng 12cm	Kéo thẳng 12 cm, cán vòng; thép không gỉ, hấp tiệt khuẩn.	Cái	1	46.000	46.000
52.13	Kìm mang kim 15cm cán vàng	Kìm mang kim 15 cm, cán vàng, hàm chống trượt, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	550.000	550.000
52.14	Kẹp săng 10cm	Kẹp săng 10 cm, đầu cong có mấu, có khóa hãm; thép không gỉ.	Cái	1	125.647,84	125.648
52.15	Nỉa khuỷu 12cm	Nhíp khuỷu dài 12 cm, đầu gắp khít; thép không gỉ.	Cái	1	170.000	170.000
52.16	Nâng xương mũi	Dụng cụ dùng dẻd nâng xương mũi 19 cm, chất liệu thép không gỉ	Cái	1	4.846.313	4.846.313
52.17	Ống hút 15cm R 3mm	Ống hút dài 15 cm, đường kính danh định 3 mm; thép không gỉ, có đầu nối.	Cái	1	370.000	370.000
Thành tiền: 499.712.846 (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng)						

thamnth7 - 06/11/2026 14:57:01 - thamnth7